TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-12-2023
"V/v Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

Ông Nguyễn Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Dương Cẩm Hào, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Dương Văn S, sinh năm 1964; địa chỉ: Số G, khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 07/7/2023 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Đặng Thị T trình bày như sau:

Về hôn nhân: Bà T và ông Sáu tự tìm hiểu nhau được 08 tháng thì đi đến hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới và chung sống như vợ chồng từ tháng 9/1995 nhưng không có đăng ký kết hôn, đến ngày 30/12/2002 ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long). Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do ông S không lo làm ăn, cờ bạc, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cải dẫn đến đánh nhau nên tình cảm vợ chồng

không còn chung sống hạnh phúc. Nay bà T yêu cầu ly hôn vì xác định không còn tình cảm với ông S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung tên Dương Thiện M, sinh ngày 18/11/1996, hiện nay đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày và không bổ sung gì khác.

- Bị đơn ông Dương Văn S nhận được Thông báo thụ lý vụ án nhưng không có văn bản trả lời, không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, ông S được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện đúng quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, thời hạn đưa vụ án ra xét xử đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Cho bà T được ly hôn với ông S.

Về con chung: Hiện nay Dương Thiện M, sinh ngày 18/11/1996 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc bà T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, bị đơn cư trú tại thành phố V được thụ lý phù hợp về thẩm quyền quy định tại

khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông S được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Bà T và ông Sáu t tìm hiểu và đi đến hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới và chung sống như vợ chồng từ tháng 9/1995 nhưng không có đăng ký kết hôn, đến ngày 30/12/2002 ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long) nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại Tòa, bà T xác định nguyên nhân mâu thuẫn do ông S không lo làm ăn, cờ bạc, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cải dẫn đến đánh nhau nên tình cảm vợ chồng không còn chung sống hạnh phúc vì vậy bà T yêu cầu ly hôn vì không còn tình cảm với ông S.

Xét thấy bà T và ông S có một khoảng thời gian sống ly thân. Trong khoảng thời gian này, bà T xác định ông bà không còn quan tâm, chăm sóc và thăm hỏi nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông S tham gia hòa giải nhiều lần để các bên tháo gỡ những mâu thuẫn nhưng ông S không tham dự và cũng không trình bày ý kiến phản bác đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà T xác định ông bà có 01 con chung tên Dương Thiện M, sinh ngày 18/11/1996. Hiện nay đã trưởng thành, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Bà T yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hông đặt ra xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Xét quan điểm trình bày của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Buộc bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, ông S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đặng Thị T. Cho bà Đặng Thị T được ly hôn với ông Dương Văn S.

2. Về con chung: Bà T và ông S có 01 con chung tên Dương Thiện M, sinh ngày 18/11/1996, hiện nay đã trưởng thành. Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà T yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà T được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp ngày 25/7/2023 theo biên lai thu số N_0 0002269 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long thành tiền án phí. Bà T đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Minh Trường

Nơi nhận:
- Tòa án Tỉnh;
- Viện Kiểm Sát TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.